TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/01/2024
V/v: "Tuyên bố không công nhận quan hệ cha, con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ánh Dương và bà Vũ Thị Vẻ;

Thư ký phiên tòa: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới;

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2023/TLST-HNGĐ Ngày 05/10/2023 về việc " *Tuyên bố không công nhận quan hệ cha, con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2023/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Thế T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do.

- *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị H, sinh năm 1999.

ĐKHKTT: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ nơi ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có lý do.

Người làm chứng: Anh Trần Thế A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Tổ dân phố N, phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Thế T trình bày:

Anh và chị Trịnh Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam, nay là phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về tính cách và quan điểm sống. Từ đầu tháng 02 năm 2021, vợ chồng chính thức sống ly thân, bản thân chị H về sống với bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai còn anh T vẫn sinh sống ở phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị H thừa nhận với anh T là đã ngoại tình và mang thai với người đàn ông khác. Đến ngày 19/02/2023, thì chị H sinh được 02 người con sinh đôi là cháu Trần Hải Đ và Trần Đức P. Do các cháu còn nhỏ nên anh đồng ý đi khai sinh và ghi trong giấy khai sinh cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P là con anh. Sau đó do nghi ngờ nên anh trai anh là Trần Thế A đã đi giám định ADN với cháu Trần Đức P. Tại bản Kết luận giám định ADN số TH25-GV042023 ngày 25/4/2023 của Công ty cổ phần công nghệ cao Gene Việt kết luận: Mầu "Trần Thế A" và mẫu "Trần Đức P" không có mối quan hệ huyết thống theo dòng nhiễm sắc thể Y.

Ngày 26/4/2023 anh Trần Thế T cũng đi giám định ADN với cháu Trần Hải Đ. Tại bản Kết luận giám định ADN số TH27-GV042023 ngày 26/4/2023 của Công ty cổ phần công nghệ cao Gene Việt kết luận: Anh Trần Thế T và cháu Trần Hải Đ không có mối quan hệ huyết thống cha –con.

Ngày 30/12/2023 anh Trần Thế T đi giám định ADN với cháu Trần Đức P. Tại bản phân tích ADN huyết thống ngày 30/12/2023 của Trung tâm xét nghiệm MEDLATEC VIỆT NAM kết luận: Anh Trần Thế T và cháu Trần Đức P không có mối quan hệ huyết thống cha –con trai.

Đến nay, anh T xác định cả 02 cháu sinh đôi là Trần Hải Đ và Trần Đức P đều không phải là con đẻ của anh. Nên anh Trần Thế T đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giải quyết: Không công nhận cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P, cùng sinh ngày 19/02/2023 là con đẻ của anh Trần Thế T.

2. Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn chị Trịnh Thị H trình bày:

Chị nhất trí toàn bộ với với lời trình bày của anh Trần Thế T về thời gian đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Chị cũng xác định từ đầu năm 2021 chị và anh Trần Thế T đã sống ly thân, không quan hệ vợ chồng với nhau. Đầu năm 2023 chị về nhà anh T và thú nhận chị đã có quan hệ ngoại tình với người khác. Đến ngày 19/02/2023 chị sinh đôi được 02 người con, do thương 02 con nhỏ, nên anh T đi khai sinh và ghi trong giấy khai sinh cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P là con anh. Sau đó anh T và gia đình đã đi giám định ADN, xác định 02 cháu Đ và cháu P không phải là con anh T. Bản thân chị cũng không biết chị đã mang thai với ai, không biết cháu Đ và cháu P là con của ai. Nay chị nhất trí với ý kiến của anh T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P là con đẻ của anh Trần Thế T.

Người làm chứng anh Trần Thế A trình bày: Do mâu thuẫn vợ chồng nên em trai anh là Trần Thế T và vợ là Trịnh Thị H đã sống ly thân từ năm 2021. Tuy nhiên đến đầu năm 2023 chị Hồng sinh đôi được 02 người con là cháu Đ và cháu P. Do nghi ngờ 02 cháu không phải là con đẻ của em trai anh, nên anh đã đi giám định ADN với cháu Trần Đức P. Kết quả xác định anh và cháu P không có quan hệ huyết thống, nên anh có yêu cầu em T đi giám định ADN với cháu Trần Hải Đ, kết quả giám định đã kết luận anh Trần Thế T và cháu Trần Hải Đ không có quan hệ huyết thống cha con.

Tại phiên Tòa:

Nguyên đơn anh Trần Thế T, bị đơn chị Trịnh Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án đã nêu trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử. Căn cứ: Khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228,229 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, giải quyết theo hướng: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thế T. Tuyên bố không công nhận cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P cùng sinh ngày 19/02/2023 là con đẻ của anh Trần Thế T. Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thế T thấy rằng đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình "*Tuyên bố không công nhận quan hệ cha - con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2**]** Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh Trần Thế T và bị đơn chị Trịnh Thị H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện:

Anh Trần Thế T và chị Trịnh Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 11 năm 2017 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam, nay là phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu tháng 02 năm 2021, vợ chồng chính thức sống ly thân, bản thân chị H sống với bố mẹ đẻ ở thôn K, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai còn anh T sinh sống ở phường T, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Trong thời gian vợ chồng ly thân, chị H thừa nhận đã ngoại tình và mang thai với người đàn ông khác. Đến ngày 19/02/2023, thì chị H sinh được 02 người con là cháu Trần Hải Đ và Trần Đức P.

Tại Kết luận giám định ADN số TH27-GV042023 của của Công ty cổ phần công nghệ cao Gene Việt kết luận: Anh Trần Thế T và cháu Trần Hải Đ không có quan hệ huyết thống cha - con. Tại bản kết quả phân tích ADN huyết thống ngày 30/12/2023 của Trung tâm xét nghiệm MEDLATEC Việt Nam kết luận: Anh Trần Thế T và cháu Trần Đức P không có quan hệ huyết thống cha - con trai;

Đến nay, cả anh Trần Thế T và chị Trịnh Thị H đều thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết: Không công nhận cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P, cùng sinh ngày 19/02/2023 là con đẻ của anh Trần Thế T.

Do đó, việc anh Trần Thế T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu Trần Hải Đ và cháu Trần Đức P, cùng sinh ngày 19/02/2023 là con đẻ của anh Trần Thế T là có căn cứ theo khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai về hướng giải quyết vụ án là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Trần Thế T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[6] Về chi phí giám định: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thế T: Không công nhận cháu Trần Hải Đ - sinh ngày 19/02/2023 và cháu Trần Đức P - sinh ngày 19/02/2023 là con đẻ của anh Trần Thế T.

2. Về án phí: Anh Trần Thế T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn*

đồng) án phí dân sự sơ thẩm, Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004519 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Xác nhận anh Trần Thế T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trịnh Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh LC (1);*
- *VKSND (2);*
- *Các đương sự (2);*
- *CCTHADS (1);*
- *UBND phường T thị xã D, tỉnh Hà Nam.(1);*
- *Lưu HS, TP, TA (4).*

TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Nghĩa